

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DSPT

Ngày: 30/12/2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT- DS ngày 21/10/2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS- ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ- PT ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1940;

Trú tại: Xóm 2, khu H, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1969;

Trú tại: Số 30, xóm 2, khu H, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố; ông Nguyễn Vũ K - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai và ông Nguyễn Thành H - Phó trưởng phòng - Phòng TNMT thành phố Bắc Ninh tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền số 3551 ngày 18/12/2020 (vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1970; trú tại: Số 30, xóm 2, khu H, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh Tường, sinh năm 1969, trú tại: Số 30, xóm 2, khu H, phường V, thành phố Bắc Ninh đại diện, theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2020).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày: Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông D o bà nội ông là cụ Nguyễn Thị C mua của cụ Nguyễn Văn K khoảng năm 1925. Sau khi cụ C chết giao lại đất cho bố ông là Nguyễn Thanh Q sử dụng, năm 1960 theo kết quả đo đạc cụ Nguyễn Thanh Q quản lý, sử dụng đất gồm: Đất xây dựng nhà ở 450m², đất ao 250m², đất đầu ao phía Đông 60m², đất cuối ao phía Tây là 25m², phía Nam đất trồng ổi, trồng tre 300m². Đất nhà ông Nguyễn Thanh D là hàng xóm liền kề thời điểm đó chỉ có 130m².

Khi cụ Quả còn sống đã giao lại toàn bộ đất ở, diện tích đất ao cho ông quản lý, sử dụng. Năm 1994 nhân lúc ông vắng nhà ông Nguyễn Thanh D đã tân lấp ao lán, chiếm của gia đình ông khoảng 139m². Khi về thấy sự việc gia đình ông D lán, chiếm đất, ông đã dỡ bỏ phần tường gia đình ông D xây lán và bị Công an thị xã Bắc Ninh mời lên làm việc và tạm giữ 3 ngày. Không đồng ý với phương thức giải quyết của chính quyền ông có đơn khiếu nại. UBND tỉnh Hà Bắc đã có văn bản gửi UBND thị xã Bắc Ninh giải quyết. Tại Công văn số 18/KT ngày 09/10/1994 của Thanh tra thị xã Bắc Ninh trả lời đơn khiếu tố của ông, Thanh tra thị xã Bắc Ninh đã giao cho Phòng quản lý đô thị thị xã Bắc Ninh nghiên cứu, giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông với gia đình ông Nguyễn Thanh D nhưng Phòng quản lý đô thị không giải quyết, trả lời, đến năm 1998 UBND thị xã Bắc Ninh làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại thôn Hòa Đình trong đó hộ ông Nguyễn Thanh D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 42, diện tích 160,9m² (tăng hơn 30m²) và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 42, diện tích 109,6m² (theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29/12/1998). Năm 2006 ông D đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất là thửa số 29 và thửa số 36, tờ bản đồ số 42 cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh T. Ông tiếp tục có đơn đề nghị UBND xã Võ Cường, thị

xã Bắc Ninh sau là UBND phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh giải quyết nhưng địa phương không giải quyết. Do không được giải quyết nên ông tiếp tục có đơn gửi UBND thành phố Bắc Ninh. Sau khi nhận được đơn của ông, ngày 22/11/2012 UBND thành phố Bắc Ninh có Công văn số 1550/CV-UBND trả lời và hướng dẫn ông làm thủ tục khởi kiện tranh chấp tại Tòa án.

Trước khi khởi kiện ông đã có đơn đề nghị UBND phường Võ Cường hòa giải theo quy định. Ngày 07/01/2018 UBND phường Võ Cường tổ chức phiên hòa giải tranh chấp đất giữa ông với anh Nguyễn Thanh T nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết:

1. Buộc anh Nguyễn Thanh T phải trả lại cho ông 139m² thuộc các thửa đất số 29 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 42 tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, cụ thể trả toàn bộ diện tích của thửa đất số 36 và hơn 30m² tại thửa đất số 29.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bắc Ninh cấp ngày 29/12/1998 cho hộ ông Nguyễn Thanh D nay đang do anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thực hiện thủ tục đăng ký biến động về đất đai.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông N trình bày: Trong thời gian bố ông là cụ Nguyễn Thanh Quả quản lý, sử dụng đất sau chuyển giao cho ông sử dụng gia đình không bị Nhà nước công, quốc hữu hóa tài sản, gia đình cũng không đưa đất ở, đất vườn hay đất ao vào làm ăn tập thể, ông Nguyễn Thanh D là hàng xóm giáp với ao của gia đình đã tự ý đổ đất lấn ao là xâm phạm đến quyền lợi của ông và gia đình. Năm 1998 UBND thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, công N hận cho hộ ông Nguyễn Thanh D quyền sử dụng hợp pháp 02 thửa đất là thửa đất số 29 và thửa 36 là trái quy định của pháp luật vì thời gian UBND thị xã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông D thì việc tranh chấp giữa ông với gia đình ông D đang diễn ra chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết, ông N cung cấp: Bản sao 01 quyển sổ tiêu đề ghi “*Sổ đo đất thổ cư thôn Hòa Đình 1960*” đặc điểm sổ được thể hiện dưới dạng tự kẻ và viết tay không phải sổ do cơ quan có thẩm quyền phát hành, sổ không có họ tên chữ ký của người lập sổ, sổ không có dấu, chữ ký của cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo ông N trình bày về nguồn gốc cuốn sổ do ông Tham nguyên là cán bộ địa chính thôn Hòa Đình, xã Võ Cường sao lại và cung cấp cho ông; bản sao công văn số 18/KT ngày 09/10/1994 của Thanh tra thị xã Bắc Ninh; bản sao văn bản số 1550/CV- UBND ngày 22/11/2012 của UBND thành phố Bắc Ninh; bản sao bản đồ địa chính năm 1978.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T và là người đại diện cho chị Bùi Thị T trình bày: Thửa đất số 29 và thửa đất số 36, cùng tờ bản đồ số 42 tại xóm 2, khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh hiện đang do vợ chồng anh quản lý, sử dụng có nguồn gốc là đất của bố đẻ anh là ông Nguyễn Thanh D (sinh năm 1926, mất năm 2009). Năm 1998 ông D được Nhà nước cấp giấy chứng nhận công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 02 thửa đất, năm 2006 ông D làm thủ tục chuyển giao quyền sử dụng toàn bộ 02 thửa đất là thửa 29 và thửa số 36 cho vợ chồng anh. Quá trình sử dụng vợ chồng đã làm nhà trên đất và sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp với ai. Đầu năm 2018 ông Nguyễn Thanh N cho rằng ông Nguyễn Thanh D quản lý, sử dụng đất đã đổ đất lấn 139m² đất ao của nhà ông N và ông N yêu cầu vợ chồng anh trả đất đồng thời đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình là không có căn cứ, bản thân ông N là người khởi kiện cho rằng gia đình anh lấn đất song ông N không cung cấp hay đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì chứng minh ông hay gia đình ông có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất kiện đòi, anh Tường đề nghị tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N ghiên.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ nội dung đơn khởi kiện của ông N về việc đề nghị tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bắc Ninh cấp ngày 19/12/1998 cho hộ ông Nguyễn Thanh D có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 02 thửa đất là thửa số 29 và thửa số 36, tờ bản đồ số 42 tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh. Ngày 16/12/2019, Tòa án nhân dân thành phố có văn bản gửi UBND thành phố Bắc Ninh, đề nghị UBND thành phố cử người đại diện tham gia tố tụng và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N nhưng UBND thành phố không có ý kiến trả lời, UBND thành phố cử ông Nguyễn Thành Hưng - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 14/5/2020, UBND thành phố Bắc Ninh có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Song H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố, ông Nguyễn Vũ K - Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai và ông Nguyễn Thành H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tham gia tố tụng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 17/12/2019 Tòa án có Quyết định số 14/2019/QĐ, yêu cầu ông Nguyễn Thanh N cung cấp bổ sung các giấy tờ, tài liệu được liệt kê theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và yêu cầu ông N cung cấp cho bản chính “Sổ đo đất thổ cư thôn Hòa Đình 1960” nhưng ông N không giao nộp được các chứng cứ, tài liệu theo yêu cầu của tòa án.

Tiến hành làm việc với đại diện UBND phường Võ Cường và làm việc với ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1936; trú tại: , Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã toàn xã Võ Cường, đại diện xã Võ Cường và ông Tụy cho biết: Năm 1960 thực hiện chủ trương của Nhà nước về xây dựng hợp tác xã bậc thấp kêu gọi các gia đình, cá nhân vào làm ăn tập thể, hầu hết các gia đình ở thôn Hòa Đình, xã Võ Cường đã tự nguyện đưa toàn bộ phần diện tích ao, hồ, thùng vũng của gia đình vào hợp tác xã để cùng khai thác, sử dụng, trong đó gia đình cụ Nguyễn Thanh Q đã đưa toàn bộ diện tích đất ao trước nhà vào làm ăn tập thể, phần diện tích đất ao do cụ Quả được HTX quản lý, trong thời gian hợp tác xã quản lý, ao được HTX dùng để nuôi, thả cá, còn mặt nước được các hộ gia đình ở gần thả bèo. Quá trình sử dụng gia đình ông Nguyễn Thanh D (bố anh T) và gia đình ông Nguyễn Thanh N và một số hộ ở gần ao đã tự ý san lấp ao để mở rộng đất ở. Năm 1998 Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy diện tích đất các hộ sử dụng phù hợp với quy hoạch nên Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 156, 157, 164, 165, 227, 228, 235, 264, 271, 273 BLTTDS; Điều 166, 168, 221 của BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 2 Luật đất đai 1993, Điều 5 Luật Đất đai 2003 và Khoản 5 Điều 26, Điều 100, 166, 167, 202, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N kiện đòi anh Nguyễn Thanh T phải trả 140,5m² đất tại các thửa đất số 29 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 42 tại khu Hòa Đình, phường Võ cường, thành phố Bắc Ninh và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 29/12/1998 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Thanh D hiện anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị T đứng tên sử dụng hợp pháp do thực hiện thủ tục đăng ký biến động về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2020, ông Nguyễn Thanh Nghiên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông N kháng cáo yêu cầu anh Nguyễn Thanh T phải trả lại phần diện tích 30,9m² thuộc thửa thửa đất số 29, tờ bản đồ số 42 và toàn bộ thửa số 36, tờ bản đồ số 42, diện tích 109,6m² tại khu Hòa Đình, Võ Cường, thành phố Bắc Ninh do ông Nguyễn Thanh D bố anh Nguyễn Thanh T lấn chiếm của gia đình ông. Phần đất này có nguồn gốc là đất của là cụ Nguyễn Thanh Q (bố ông N ghiên) để lại cho ông, quá trình quản lý sử dụng đất từ đời cụ Q sang đến đời ông N diện tích đất ao (nằm giáp đất thổ cư của gia đình) do gia đình quản lý sử dụng, quá trình sử dụng gia đình không bị Nhà nước trưng thu, trưng mua, quốc hữu hóa về đất đai, thời gian Nhà nước thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa kêu gọi các hộ gia đình xã viên vào làm ăn tập thể, gia đình ông không đưa đất đai, ao hồ vào hợp tác xã để làm ăn chung. Việc ông Nguyễn Thanh D tự ý đổ đất lấp ao, lấn đất và làm thủ tục làm đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông. Ông N yêu cầu anh T là người đang sử dụng đất phải trả lại gia đình ông phần đất đã lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Thanh N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử thấy: Ông N kiện đòi anh Tường trả 140,5m² tại thửa đất số 29 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 42 tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh trong đó 30,9m² tại thửa số 29 và 109,6m² tại thửa đất số 36. Căn cứ ông N đưa ra là cuốn sổ ghi tay với tiêu đề “*Sổ đo đất thổ cư Hòa Đình 1960*” với nội dung trên sổ thể hiện ông Q bố

ông có 250m² đất ao, gia đình ông D có 130m² đất ở. So sánh với diện tích đất gia đình ông Tường sử dụng hiện tại là 270,5m² (thửa số 29 diện tích 160,9m², thửa đất số 36 diện tích 109,6m² của ông D tặng cho anh T) nên ông cho rằng ông D là bố anh T đã lấn ao của gia đình ông Nghiên. Xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ do ông N đưa ra là bản sao cuốn sổ với tiêu đề “*Sổ đo đất thổ cư thôn Hòa Đình 1960*” theo như ông N trình bày nguồn gốc sổ do ông T, nguyên là cán bộ địa chính thôn Hòa Đình cung cấp. Về hình thức sổ do cá nhân tự kẻ và điền thông tin, mẫu sổ không N nằm trong các loại sổ, sách theo dõi quản lý về đất đai do cơ quan có thẩm quyền phát hành, sổ không có thông tin người lập, sổ không được sự phê duyệt đóng dấu của cấp có thẩm quyền nên theo quy định đây không phải là chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/12/2019 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh có Quyết định số 14/2019/QĐ yêu cầu ông N cung cấp bổ sung các giấy tờ, tài liệu được liệt kê theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và yêu cầu ông N cung cấp cho Tòa án bản chính “*Sổ đo đất thổ cư thôn Hòa Đình 1960*” nhưng ông N không giao nộp được theo yêu cầu của Tòa án, ông N chỉ cung cấp bổ sung cho Tòa án bản sao bản đồ năm 1978 của thôn Hòa Đình. Do đó, bản án sơ thẩm xử không chấp nhận chứng cứ do ông N cung cấp là có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, tại biên bản làm việc với đại diện UBND phường Võ Cường và ông N Nguyễn Thanh Tuy, nguyên chủ nhiệm HTX toàn xã Võ Cường, đại diện UBND phường Võ Cường và ông T cho biết về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa ông N và anh Tường trước đây là ao hồ, còn của ai thì địa phương không nắm được vì không còn tài liệu lưu giữ, trong đó có ao của cụ Nguyễn Thanh Q (bố ông N). Tuy nhiên, vào những năm 1960 khi Nhà nước thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa kêu gọi xã viên vào làm ăn tập thể các gia đình đã tự nguyện đưa toàn bộ phần diện tích ao của gia đình vào hợp tác xã để cùng nhau khai thác, sử dụng chung, ao do Hợp tác xã quản lý và dùng thả cá, còn mặt nước được các gia đình thả bèo chăn nuôi. Sau này việc quản lý đất đai, tài sản, ao hồ của hợp tác xã bị buông lỏng, những gia đình ở giáp ao đã tự ý tân lấp ao để mở rộng diện tích đất ở, trong đó có gia đình ông N và gia đình ông D đều tự ý tân lấp ao của Hợp tác xã. Năm 1998, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định, phù hợp với quy hoạch, căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân UBND thị xã Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D và gia đình ông N ghiên, cụ thể hộ ông Nguyễn Thanh D được cấp giấy chứng nhận sử dụng hợp pháp thửa đất số 29 và thửa số 36 với tổng diện tích là 270,5m², còn gia đình ông N được cấp giấy chứng nhận công nhận sử dụng hợp pháp thửa đất số 30, từ

bản đồ số 42, diện tích 305,5m² dưới tên chủ sử dụng Nguyễn Thanh T con trai ông N (theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29/12/1998). Việc UBND phường Võ Cường và ông Nguyễn Thanh Tụy cung cấp thông tin về nguồn gốc đất cũng như quá trình biến động về đất đai là thực tế quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương đồng thời cũng phù hợp với thông tin thể hiện tại bản đồ địa chính thôn Hòa Đình, xã Võ Cường do ông N cung cấp (BL101) trên bản đồ địa chính thôn Hòa Đình năm 1978 thể hiện gia đình ông Nguyễn Thanh D sử dụng thửa số 267, diện tích 144m²; gia đình ông N sử dụng thửa số 325, diện tích 225m², ngoài ra trên bản đồ còn thể hiện phía trước thửa số 267 và thửa số 325 là thửa số 265, diện tích 600m² được ghi chú là ao, hồ, diện tích đất ao hồ không ghi tên người sử dụng. Như vậy, việc cụ Q đã tự nguyện đưa diện tích đất ao của gia đình vào hợp tác xã, nên diện tích đất ao này do Hợp tác xã quản lý theo quy định của pháp luật. Năm 1998, UBND thị xã Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Thanh D (bố anh Nguyễn Thanh T) được sử dụng hợp pháp 02 thửa đất là thửa số 29 và thửa số 36 với tổng diện tích sử dụng là 270,5m². Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993, Điều 5 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2015 quy định về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất, thì *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông N là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông N về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bắc Ninh cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh D thì thấy: Ngày 29/12/1998, UBND thị xã Bắc Ninh có quyết định số 1253/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận công nhận cho hộ ông Nguyễn Thanh D được sử dụng hợp pháp 02 thửa đất là thửa số 29 có diện tích là 160,9m² và thửa số 36 có diện tích 109,6m². Xét thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh D khi đất đang có tranh chấp là chưa tuân thủ đúng hướng dẫn tại Thông tư 346/TT-TCĐC, ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thanh D, UBND thị xã Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Thanh D là đúng thẩm quyền và đúng đối tượng, không xâm phạm đến quyền và lợi ích của Nhà nước, tổ chức, công dân nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh D là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N không đưa được ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 168, 221 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai 1993, Điều 5 Luật Đất đai 2003 và Khoản 5 Điều 26, Điều 100, 166, 167, 202, 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N kiện đòi anh Nguyễn Thanh T phải trả 140,5m² đất tại các thửa đất số 29 và thửa đất số 36, tờ bản đồ số 42 tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) cấp ngày 29/12/1998 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Thanh D hiện anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị T đứng tên sử dụng hợp pháp do thực hiện thủ tục đăng ký biến động về đất đai.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với tổng số tiền là 5.000.000đ. Xác nhận ông N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh N. Hoàn trả ông N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000338 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Tính